TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HSST
Ngày 06-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Thẩm phán: Ông Đặng Đức Hào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Cang

Bà Đỗ Thị Lài

Ông Trần Quốc Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Khuất Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HS ngày 09-4-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 35A/2021/QĐ-HPT ngày 26-4-2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 36/2021/TB-TA ngày 21-12-2021, đối với bị cáo:

Lê Thị A, sinh năm 1995 tại B; HKTT: 113 L, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi ở: 15/3 N, phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Lễ tân khách sạn; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị L; Chồng Văn Công D, sinh năm 1992, có 2 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông Lê Biên Phòng, luật sư Văn phòng luật sư Gia Hân – Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- *Người bị hại*: Bà Thái Thị Thanh H, sinh năm 1964; trú tại: 113 L, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Văn Công D, sinh năm 1992, trú tại: 113 L, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Bà Cao Bích L, sinh năm 1989, trú tại: 119/5 H, phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6 năm 2019, do cần tiền tiêu xài nên Lê Thị A đã nói dối bà Thái Thị Thanh H (là mẹ chồng A) về việc A có người nhà làm giám đốc chi nhánh ngân hàng Tiền Phong (TP.Bank) thành phố Vũng Tàu. Nếu bà H đưa tiền cho A gửi vào ngân hàng thì sẽ nhận được lãi suất cao. Bà H tin tưởng con dâu nói thật nên đã đưa 500 triệu đồng cho A đi gửi. Sau khi nhận tiền, 4 ngày sau A nói dối với bà H đã gửi ngân hàng TP.Bank và đưa cho bà H 94 triệu đồng nói là tiền lãi suất một tháng ngân hàng trả để bà H tin tưởng đưa tiền cho A đi gửi tiếp. Thấy lãi suất cao và dễ dàng nên bà H đã vay của bà Trương Thị Ngọc H (SN 1964, trú tại khu phố H, phường L, thành phố B) và bà Phạm Thị M (trú tại khu phố L, thị trấn L, huyện L) nhiều lần tổng cộng là 1.500.000.000 đồng, với lãi suất 3%/tháng để đưa cho A đem gửi lấy lãi. A nhận tiền nhưng không đem gửi mà tiêu xài hết.

Sau khi đưa tiền cho A, bà H nhiều lần hỏi về số tiền tiết kiệm, sổ tiết kiệm và tiền lãi. Để che dấu hành vi của mình A đã lập một tài khoản Zalo tên PaPa và nói dối bà H đó là tài khoản của người nhà của A, sau đó A tự soạn tin nhắn zalo trao đổi giữa A và tài khoản PaPa về việc gửi tiền và lý do đi công tác nên chưa thanh toán gốc, lãi cho bà H. Sau đó A chụp lại màn hình điện thoại gửi cho bà H để bà H không gây áp lực cho A. Ngoài ra, A còn chụp thẻ ngân hàng, các thông tin gửi tiết kiệm, lãi suất gửi tiết kiệm của ngân hàng TP.Bank do A tìm trên mạng gửi tin nhắn cho bà H để bà H tin tưởng tiền đã được gửi vào ngân hàng và đang được hưởng lãi suất cộng dồn. Tính đến tháng 01/2020 sẽ được trả 700 triệu đồng cả gốc và lãi. Tin tưởng nên bà H không hỏi nữa.

Do A không đưa tiền đúng hạn nên bà H đã nhiều lần hỏi thì A đã thừa nhận nói dối để chiếm đoạt tiền. Nhận được tiền do bà H đưa A đã trả nợ cho chị Cao Bích L 50 triệu đồng, số tiền còn lại A tiêu xài hết. Ngày 21/01/2020, A viết "Giấy cam kết" trả nợ cho bà H số tiền là ba tỷ đồng (gốc 2 tỷ đồng, lãi một tỷ đồng) nhưng không thực hiện được nên bà H đã tố cáo A đến cơ quan công an.

Tại cơ quan điều tra A và bà H khai nhận: Bà H đưa tiền cho A nhiều lần nhưng không làm giấy tờ, tổng số tiền là 02 tỷ đồng. Nơi giao tiền là tại nhà bà Ho anh Văn Công D là chồng bị cáo có hai lần nhìn thấy bà H đưa tiền cho bị cáo nhưng D không tham gia.

Về trách nhiệm dân sự: Bà H yêu cầu bị cáo hoàn trả lại 2 tỷ đồng và lãi suất 3%/tháng.

Tại Bản cáo trạng số 04/CT-VKS - P2 ngày 07 tháng 01 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Lê Thị A về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa;

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thị A từ 12 đến 14 năm tù; ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự tại phiên tòa, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại theo quy định.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Luật sư đồng ý với tội danh và điều luật truy tố bị cáo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để xử phạt bị cáo mức án nhẹ. Đề nghị xen xét trách nhiệm của anh Văn Công D trong việc bồi thường dân sự.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, tỏ thái độ ăn năn hối hận và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có căn cứ xác định:

Từ khoảng tháng 6 năm 2019 đến tháng 01 năm 2020, do cần tiền tiêu xài nên Lê Thị A đã nói dối bà Thái Thị Thanh H là có người nhà làm ở ngân hàng Tiền Phong (TP Bank) thành phố Vũng Tàu. Nếu bà H đưa tiền cho bị cáo gửi tiền tại ngân hàng trên thì sẽ được hưởng lãi suất ưu đãi cao để bà H tin tưởng giao tiền cho bị cáo chiếm đoạt. Tin tưởng bị cáo, bà H đã nhiều lần đưa tiền cho bị cáo với tổng số là 02 tỷ đồng để gửi ngân hàng. Sau khi nhận được tiền bị cáo dùng vào việc trả nợ và tiêu xài hết. Hành vi của các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 4 điều 174 Bộ luật Hình sự đúng như cáo trạng truy tố.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe, giáo dục riêng bị cáo đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của bị hại, thuộc trường hợp phạm tội 2 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; thật thà khai báo, ăn năn hối hận nên xen xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự.

Bị hại bà H không yêu cầu bà Cao Bích L phải bồi thường.

Anh Văn Công D tự nguyện đồng ý bồi thường số tiền 170.000.000 đồng cho bị hại do có tiêu xài chung với bị cáo.

Bị hại bà H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt sau khi đã trừ đi số tiền 94.000.000 đồng và 170.000.000 đồng của anh D. Bà H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 1.736.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà H. Do vậy, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và bị hại tại phiên tòa.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Lê Thị A phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Lê Thị A** 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự;

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại tại phiên tòa.

Buộc bị cáo Lê Thị A trả cho bà Thái Thị Thanh H số tiền 1.736.000.000đ *(một tỷ bảy trăm ba mươi sáu triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án;

Bị cáo Lê Thị A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 64.080.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa phúc thẩm TAND Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu: Tòa Hình sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung Dũng